TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HOÀNG SU PHÌ** **TỈNH HÀ GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2023/HNGĐ - ST
Ngày 13-3-2023
V/v: " không công nhận quan hệ vợ chồng"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HOÀNG SU PHÌ, TỈNH HÀ GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Khuyên

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Bích Hà

2. Ông Vũ Văn Sơn

***- Thư ký phiên tòa*:** ông Hoàng Văn Quán- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hoàng Su Phì, tỉnh Hà Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hoàng Su Phì, tỉnh Hà Giang tham gia phiên tòa: ông Nguyễn Trần Kha - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hoàng Su Phì, tỉnh Hà Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 78/2022/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 12 năm 2022 về tranh chấp ly hôn, nuôi con chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2023/QĐXX-ST ngày 24 tháng 02 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Thèn Thị C, sinh năm 1987; địa chỉ: Thôn X, xã Đ, huyện H, tỉnh H. Có mặt.

Bị đơn: Anh Lù Seo T, sinh năm 1988; địa chỉ: Thôn X, xã Đ, huyện H, tỉnh H. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện cùng các tài liệu chứng cứ khác trong hồ sơ, nguyên đơn là chị Thèn Thị Ctrình bày:

Về quan hệ hôn nhân: chị Thèn Thị Cvà anh Lù Seo T tự nguyện chung sống cùng nhau vào năm 2004 nhưng vì chưa đủ tuổi đăng ký kết hôn nên không đi đăng ký kết hôn. Trong suốt quá trình chung sống từ 2004 đến nay, chị C và anh T

không đi đăng ký kết hôn theo quy định. Cuộc sống chung giữa chị C và anh T bắt đầu phát sinh mâu thuẫn từ năm 2013. Nguyên nhân là do anh T uống rượu nhiều và đánh chửi chị C dẫn đến vợ chồng không hạnh phúc. Từ tháng 6 năm 2022 đến nay, anh T và chị C đã sống ly thân và không quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Mâu thuẫn đã được gia đình hòa giải nhưng không khắc phục được. Chị C nhận thấy mâu thuẫn không khắc phục được, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc nên xin ly hôn với anh T.

Về con chung: chị C và anh T có hai con chung tên là Lù Thị Tsinh ngày 07/01/2007 và cháu Lù Văn B; sinh ngày 11/3/2008. Khi ly hôn, chị C nhất trí cho anh T nuôi cháu Thơm và cháu Bằng, chị C không cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, công nợ chung: chị C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Lù Seo T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: anh T và chị C tự nguyện chung sống cùng nhau vào năm 2004 nhưng vì lúc về chung sống cùng nhau thì chưa đủ tuổi đăng ký kết hôn nên không đi đăng ký kết hôn. Cuộc sống vợ chồng ban đầu hạnh phúc nhưng đến năm 2013 thì bắt đầu mâu thuẫn. Anh T thừa nhận là do anh T đi uống rượu về thì chị C có chửi anh T nên mới dẫn đến anh T chửi và đánh chị C. Đến khoảng giữa năm 2022 thì chị C bỏ đi cho đến nay không ở cùng anh T nữa. Nay chị C đề nghị ly hôn thì anh cũng nhất trí và đề nghị Tòa án giải quyết theo thủ tục vì không đăng ký kết hôn.

Về con chung: Khi ly hôn, anh T yêu cầu được nuôi dưỡng cả hai con chung là Lù Thị Tsinh ngày 07/01/2007 và cháu Lù Văn B; sinh ngày 11/3/2008, anh T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, công nợ chung:anhTrường không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hoàng Su Phì, tỉnh Hà Giang phát biểu ý kiến tại phiên tòa như sau:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án là đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 8 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 14, Điều 15, khoản 2 Điều 53, Điều 58; Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Đề nghị: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Thèn Thị Chẳm. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị C và anh T; về con chung: Giao cho anh Lù Seo T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục hai con chung đến khi các cháu đủ 18 tuổi, chị C không phải cấp dưỡng nuôi con chung; về tài sản chung, công nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên không đề cập; về án phí: chị C được miễn án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Nguyên đơn chị Thèn Thị Ckhởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, tranh chấp nuôi con chung đối với anh Lù Seo T nên đã được Tòa án thụ lý với quan hệ tranh chấp "Ly hôn, nuôi con chung". Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án xác định chị Thèn Thị Cvà anh Lù Seo T không đăng ký kết hôn. Do đó, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật giải quyết trong vụ án này là "Không công nhận quan hệ vợ chồng". Chị Thèn Thị Cvà anh Lù Seo T đều đăng ký hộ khẩu thường trú tại Thôn X, xã Đ, huyện H, tỉnh H nên căn cứ theo quy định tại Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hoàng Su Phì, tỉnh Hà Giang.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy chị Thèn Thị Cvà anh Lù Seo T khi chung sống với nhau vào năm 2004 là chưa đủ tuổi kết hôn. Trong quá trình chung sống đến thời điểm cả anh T và chị C là người có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình thì anh T và chị C vẫn không thực hiện thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật.. Do đó, việc chung sống giữa chị C và anh T không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Xét về tình trạng mâu thuẫn của chị C và anh T. Từ năm 2013, chị C và anh T bắt đầu phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh T uống rượu về có đánh, chửi chị C dẫn đến vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã với nhau, mâu thuẫn kéo dài trầm trọng. Nay chị C có yêu cầu ly hôn với anh T. Hội đồng xét xử thấy rằng cần căn cứ vào khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị C, không công nhận quan hệ giữa chị Thèn Thị Cvà anh Lù Seo T là vợ chồng. Khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình quy định. "Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng..."

[3] Về con chung: Trong quá trình chung sống, anh T và chị C có 02 con chung là cháu Lù Thị Tsinh ngày 07/01/2007 và cháu Lù Văn B; sinh ngày

11/3/2008. Các con chung đều có nguyện vọng được sống cùng bố. Khi ly hôn, chị C nhất trí giao cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục các con chung đến khi các cháu đủ 18 tuổi, chị C không cấp dưỡng nuôi con. Anh T đồng ý với quan điểm của chị C về nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con chung. Căn cứ Điều 15 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định. "Quyền, nghĩa vụ giữa nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng và con được giải quyết theo quy định của Luật này về quyền, nghĩa vụ của cha mẹ và con". Xét thấy, yêu cầu về con chung của các đương sự là phù hợp với nguyện vọng của con chung và đúng quy định của pháp luật. Do đó, cần giao con chung cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, chị C không phải cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản chung và công nợ chung: Chị C và anh T không yêu cầu Toà án giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Thèn Thị Clà người dân tộc Nùng thuộc hộ nghèo và có hộ khẩu thường trú ở xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và có đơn xin miễn án phí. Chị C được miễn án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 8 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 14, Điều 15, khoản 2 Điều 53, Điều 58; Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Thèn Thị Chẳm. Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Thèn Thị Cvà anh Lù Seo T.

2. Về con chung: Giao các cháu Lù Thị Thơm, sinh ngày 07/01/2007 và cháu Lù Văn B, sinh ngày 11/3/2008 cho anh Lù Seo T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục hai cháu cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Chị Thèn Thị Ckhông phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con mà không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con chung, sau này các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí: Chị Thèn Thị Cđược miễn án phí theo quy định của pháp luật.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Hà Giang;
- VKSND huyện HSP;
- VKSND tỉnh Hà Giang
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện HSP;
- UBND xã Đ, huyện HSP;
- Lưu HS-BP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Nguyễn Thị Khuyên

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Hà Giang;
- VKSND huyện HSP;
- VKSND tỉnh Hà Giang
- Các đương sự;
- Chi cục THA huyện HSP;
- UBND xã Đ, huyện HSP;
- Lưu HS-BP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Khuyên